TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 04/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 29/3/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 29/3/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T**,** sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chánh T**,** sinh năm: 1984 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Chánh T tự nguyện sống chung vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 05 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại Ấp 1, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, ông T ghen tuông, không tin tưởng đối với Bà T, ông T nghe lời của gia đình ông T và nghi ngờ Bà T đủ mọi việc. Sống chung nhà nhưng không nói chuyển, mạnh ai người đó làm. Cha mẹ chồng thường chửi bới Bà T. Nay Bà T thấy rằng không còn tình cảm với ông T, Bà T xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con tên Nguyễn Lê Thảo Ngân – sinh ngày: 11/02/2010 và con tên Nguyễn Lê An Nguyên – sinh ngày: 05/9/2015. Hiện nay 02 con sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, Bà T xin được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện Bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi. Bà T hiện đang làm giáo viên trường tiểu học và cơ sở Lộc Tấn, lương hàng tháng là 7.280.000đ. Bà T thống nhất mức thu nhận hàng tháng của ông T là 7.800.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết với nhau.

Bị đơn ông Nguyễn Chánh T trình bày:

Ông T thống nhất với Bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian hôn nhân. Còn nguyên nhân mâu thuẫn thì ông T thừa nhận là có cãi nhau với vợ, có ghen tuông vì nghi ngờ Bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không có căn cứ. Ông T biết mình có sai, và đã xin được sửa sai, để chăm lo vợ con. Nay Bà T xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn với Bà T vì vẫn còn yêu thương vợ con. Về con chung: có 02 con chung, con tên Nguyễn Lê Thảo Ngân – sinh ngày: 11/02/2010 và con tên Nguyễn Lê An Nguyên – sinh ngày: 05/9/2015. Trong trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn, ông T xin nuôi dưỡng 1 trong 2 người con, ai cũng được, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông T hiện đang làm giáo viên trường trung học cơ sở Lộc Điền, lương hàng tháng là 7.800.000đ. Ông T thống nhất mức lương hàng tháng của Bà T là 7.280.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và Bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét sử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T.

Về hôn nhân: Cho Bà T được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao cho Bà T nuôi con tên Nguyễn Lê An Nguyên – sinh

ngày: 05/9/2015 và con tên Nguyễn Lê Thảo Ngân – sinh ngày: 11/02/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết với nhau nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Chánh T. Xét thấy ông T cứ trú tại xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà T và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại phiên tòa ông T vắng mặt nhưng căn cứ vào biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải thì Bà T và ông T đều thừa nhận mâu thuẫn giữ vợ chồng phát sinh từ tháng 12/2017. Theo Bà T nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, ông T ghen tuông, không tin tưởng đối với Bà T, ông T nghe lời của gia đình ông T và nghi ngờ Bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Sống chung nhà nhưng không nói chuyện, việc ai người đó làm. Cha mẹ chồng thường chửi bới Bà T nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo ông T thì ông T thừa nhận là có cãi nhau với vợ, có ghen tuông vì nghi ngờ Bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không có căn cứ. Đây là hành vi bạo lực gia đình, ông T đã xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của Bà T theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống bạo lực gia đình. Ông T biết mình có sai, nhưng đã xin được sửa sai, để chăm lo vợ con. Nay Bà T xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn với Bà T vì vẫn còn yêu thương vợ con. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Ông T mặc dù không đồng ý nhưng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện nay các bên không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay Bà T xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu được ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa Bà T và ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung, con tên Nguyễn Lê Thảo

Ngân – sinh ngày: 11/02/2010 và con tên Nguyễn Lê An Nguyên – sinh ngày: 05/9/2015. Hiện 02 con đang sống chung với Bà T, ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Bà T xin được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ông T xin nuôi dưỡng 01 người con, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, Bà T giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con và có ý kiến trong trường hợp chỉ giao 01 người con cho bà nuôi thì bà xin được nuôi người con tên Ngân vì cháu Ngân là con gái nên cần có mẹ chăm sóc thì tốt hơn. Xét thấy ông T và Bà T đều có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử quyết định giao con tên Nguyễn Lê An Nguyên – sinh ngày: 05/9/2015 cho ông T nuôi dưỡng và giao con tên Nguyễn Lê Thảo Ngân – sinh ngày: 11/02/2010 cho là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phù hợp nhận định của Tòa án về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung nên được chấp nhận. Về quan hệ con chung thì đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Bà T được nuôi dưỡng 02 con. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy ông T và Bà T đều có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện mọi mặt của con nên HĐXX nhận định giao con tên Nguyễn Lê An Nguyên – sinh ngày: 05/9/2015 cho ông T nuôi dưỡng và giao con tên Nguyễn Lê Thảo Ngân – sinh ngày: 11/02/2010 cho Bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy Bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống bạo lực gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Chánh T.

2. Về con chung: Giao cho Bà T nuôi con tên Nguyễn Lê Thảo Ngân – sinh ngày: 11/02/2010, giao cho ông T nuôi con tên Nguyễn Lê An Nguyên – sinh ngày: 05/9/2015

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người khơng trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành nên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc Bà T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006353 ngày 25/12/2018.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Tú

Nơi nhận :
-*TAND tỉnh Bình Phước*
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trang không yêu cầu ông Quốc Anh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ Dung chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0005509 ngày 07/11/2017.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên

Nơi nhận :
-*TAND tỉnh Bình Phước*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

Phạm Thị Khánh Duyên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... …giờ.....phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, về việc: *"Xin ly hôn"* giữa:

1. Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Thanh Tâm** - sinh năm: 1977

2. ***Bị đơn:*** **Ông Trần Hưng Đoàn** - sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Số 43, đường Nguyễn Du, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa áùn . HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ 3/3 = 100%.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh Tâm được ly hôn với ông Trần Hưng Đoàn. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ 3/3 = 100%.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Hưng Đăng Khoa - sinh ngày 27/9/2007 cho bà Tâm nuôi. Bà Tâm không yêu cầu ông Đoàn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ 3/3 = 100%.

4. Về tài sản chung: Bà Tâm và ông Đoàn không yêu cầu Tòa án giải quyết . HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ 3/3 = 100%.

5**.** Về nợ: Không có. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ 3/3 = 100%.

6. Về án phí: Bà Tâm chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0014752 ngày 12/7/2017. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ 3/3 = 100%.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngân **Nguyễn Thị Hương** **Lê Thị Kiều Chinh**